

**BIÊN BẢN**  
**Hội đồng xét kết quả kiểm tra lại**  
**trong hệ đối với học sinh năm học 2024 – 2025**

Hôm nay hồi 7 giờ 00 phút ngày 07/8/2025 tại trường THCS Tiên Thắng-Toàn Thắng, hội đồng đánh giá xét kết quả kiểm tra lại trong hè 2025.

Thành phần gồm:

- Chủ tọa: Ông Lương Văn Thuần – Hiệu trưởng
- Thư ký: Bà Đồng Hoa Lệ - Tổ trưởng KHXH.

**NỘI DUNG HỌP**

1. Ông Lương Văn Thuần, thông qua các quyết định thành lập Hội đồng.  
(Kèm theo Quyết định thành lập)
2. Ông Đặng Đình Diệt thông báo kết quả phân công coi, chấm kiểm tra, báo cáo kết quả rèn luyện của học sinh sau hè.

| STT | Họ tên          | Lớp | Số môn | Môn học                 | ĐTBm | Đã ký | Thi lại | ĐTBcm         |             |
|-----|-----------------|-----|--------|-------------------------|------|-------|---------|---------------|-------------|
|     |                 |     |        |                         | (XL) |       | (XL)    | Trước thi lại | Sau thi lại |
| 1   | Trương Văn Hiền | 6D1 | 1      | Toán                    | 4.3  | x     | 0       |               | CĐ          |
|     |                 |     | 2      | Ngữ văn                 | 3.4  | x     | 0       |               |             |
|     |                 |     | 3      | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 2.3  | x     | 0       |               |             |
|     |                 |     | 4      | Khoa học Tự nhiên       | 3.8  | x     | 0       |               |             |
|     |                 |     | 5      | Lịch sử và địa lý       | 2.9  | x     | 0       |               |             |
| 2   | Bùi Khả Ngân    | 6D2 | 1      | Toán                    | 4.6  | x     | 6.5     |               | Đ           |
|     |                 |     | 2      | Ngữ văn                 | 4.3  | x     | 5       |               |             |
|     |                 |     | 3      | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 2.9  | x     | 5.3     |               |             |
| 3   | Vũ Duy Đức Anh  | 6D3 | 1      | Ngữ văn                 | 3.8  | x     | 4       |               | Đ           |
|     |                 |     | 2      | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 4.1  | x     | 5.3     |               |             |
|     |                 |     | 3      | Khoa học Tự nhiên       | 4.5  | x     | 5.5     |               |             |
| 4   | Phạm Thế Vinh   | 6D4 | 1      | Ngữ văn                 | 4.8  | x     | 3       |               | CĐ          |
|     |                 |     | 2      | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 4.3  | x     | 5.8     |               |             |
|     |                 |     | 3      | Khoa học Tự nhiên       | 4.8  |       |         |               |             |
| 5   | Nguyễn          | 7C3 | 1      | Toán                    | 4.7  | x     | 5       |               | Đ           |



|    |                  |     |   |                         |     |   |     |  |    |
|----|------------------|-----|---|-------------------------|-----|---|-----|--|----|
|    | Mạnh Cường       |     | 2 | Ngữ văn                 | 4.6 | x | 5   |  |    |
|    |                  |     | 3 | Lịch sử và địa lý       | 4.5 | x | 6.8 |  |    |
|    |                  |     | 4 | GDDP                    | CĐ  | x | 6.5 |  |    |
|    |                  |     |   |                         |     |   |     |  |    |
| 6  | Bùi Việt Hoàng   | 7C3 | 1 | Ngữ văn                 | 4.2 | x | 5   |  | Đ  |
|    |                  |     | 2 | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 4.7 | x | 5.5 |  |    |
|    |                  |     | 3 | Lịch sử và địa lý       | 4.3 | x | 7   |  |    |
|    |                  |     | 4 | GDDP                    | CĐ  | x | 6   |  |    |
| 7  | Nguyễn Minh Châu | 7C4 | 1 | Toán                    | 4.9 | x | 5   |  | Đ  |
|    |                  |     | 2 | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 4.5 | x | 6   |  |    |
|    |                  |     | 3 | Công nghệ               | 4.6 |   |     |  |    |
|    |                  |     | 4 | GDDP                    | CĐ  | x | 6.5 |  |    |
| 8  | Ngô Thị Ánh Hồng | 7C5 | 1 | Toán                    | 3.2 | x | 1   |  | CĐ |
|    |                  |     | 2 | Ngữ văn                 | 2.9 | x | 3.8 |  |    |
|    |                  |     | 3 | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 4.9 | x | 5   |  |    |
|    |                  |     | 4 | Tin học                 | 4.8 | x | 6   |  |    |
|    |                  |     | 5 | Khoa học Tự nhiên       | 2.7 | x | 5   |  |    |
|    |                  |     | 6 | Lịch sử và địa lý       | 4.1 | x | 7   |  |    |
| 9  | Vũ Thị Mỹ Ngọc   | 7C5 | 1 | Toán                    | 4.4 | x | 6   |  | Đ  |
|    |                  |     | 2 | Ngữ văn                 | 3.6 | x | 5   |  |    |
|    |                  |     | 3 | Khoa học Tự nhiên       | 4.7 | x | 5   |  |    |
| 10 | Vũ Xuân Quyền    | 7C5 | 1 | Ngữ văn                 | 3.6 | x | 3.5 |  | Đ  |
|    |                  |     | 2 | Khoa học Tự nhiên       | 2.9 | x | 6.3 |  |    |
|    |                  |     | 3 | Lịch sử và địa lý       | 3.8 | x | 7   |  |    |
| 11 | Trần Thanh Tùng  | 8B1 | 1 | Toán                    | 4.6 | x | 5   |  | CĐ |
|    |                  |     | 2 | Ngữ văn                 | 2.6 | x | 1.8 |  |    |
|    |                  |     | 3 | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 3.2 | x | 5.3 |  |    |
|    |                  |     | 4 | GDDP                    | CĐ  | x | 5.5 |  |    |
| 12 | Nguyễn Việt Anh  | 8B2 | 1 | Ngữ văn                 | 3.3 | x | 2.3 |  | CĐ |
| 13 | Lương Trung Đức  | 8B2 | 1 | Ngữ văn                 | 4.8 | x | 3   |  | CĐ |
|    |                  |     | 2 | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 2.8 | x | 5.3 |  |    |
| 14 | Vũ Quang Đạt     | 8B3 | 1 | Toán                    | 4.9 | x | 2.6 |  | CĐ |
|    |                  |     | 2 | Ngữ văn                 | 3.8 | x | 2   |  |    |
|    |                  |     | 3 | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 4.7 | x | 4.5 |  |    |
|    |                  |     | 4 | Lịch sử và địa lý       | 3.9 | x | 5.3 |  |    |
|    |                  |     | 5 | GDDP                    | CĐ  | x | 2.8 |  |    |
| 15 | Lương Đức Hải    | 8B3 | 1 | Toán                    | 4.1 | x | 5.3 |  | CĐ |
|    |                  |     | 2 | Ngữ văn                 | 4.8 | x | 1.5 |  |    |
|    |                  |     | 3 | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 4.5 | x | 5.5 |  |    |

|    |                    |     |   |      |     |   |     |  |    |
|----|--------------------|-----|---|------|-----|---|-----|--|----|
|    |                    |     |   | Anh) |     |   |     |  |    |
| 16 | Trịnh Văn Huy      | 8B4 | 1 | Toán | 3.3 | x | 1.6 |  | CĐ |
| 17 | Đào Thị Khánh Linh | 8B4 | 1 | Toán | 3.0 | x | 5.5 |  | CĐ |

### 3. Ý kiến tham gia:

- Bà Vũ Thị Phượng: Xem xét kết quả Khánh Linh.

- Ông Đặng Đình Diệt:

Chuyên môn lưu trữ đủ hồ sơ kiểm tra lại.

Rút kinh nghiệm công tác ra đề cần đúng thể thức, cấu trúc.

- Ông Phạm Văn Quý:

Tổ chức ôn tập, kiểm tra lại cho học sinh nghiêm túc, thực hiện đúng quy chế.

Xác nhận kết quả kiểm tra lại và công khai trước hội đồng sư phạm.

### 4. Kết quả sau kiểm tra lại trong năm học 2024-2025.

- Các thành viên tham góp ý kiến, nhất trí nội dung đã báo cáo, đề nghị hoàn thiện hồ sơ học sinh trên cơ sở dữ liệu và sổ điểm điện tử, học bạ để lưu trữ.

| STT | Họ tên          | Lớp | Số môn | Môn học                 | ĐTBm | Đăng ký | Thi lại | ĐTBcm         |             | Kết quả |
|-----|-----------------|-----|--------|-------------------------|------|---------|---------|---------------|-------------|---------|
|     |                 |     |        |                         | (XL) |         | (XL)    | Trước thi lại | Sau thi lại |         |
| 1   | Trương Văn Hiền | 6D1 | 1      | Toán                    | 4.3  | x       | 0       |               | CĐ          | Lưu ban |
|     |                 |     | 2      | Ngữ văn                 | 3.4  | x       | 0       |               |             |         |
|     |                 |     | 3      | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 2.3  | x       | 0       |               |             |         |
|     |                 |     | 4      | Khoa học Tự nhiên       | 3.8  | x       | 0       |               |             |         |
|     |                 |     | 5      | Lịch sử và địa lý       | 2.9  | x       | 0       |               |             |         |
| 2   | Bùi Khả Ngân    | 6D2 | 1      | Toán                    | 4.6  | x       | 6.5     |               | Đ           | Lên lớp |
|     |                 |     | 2      | Ngữ văn                 | 4.3  | x       | 5       |               |             |         |
|     |                 |     | 3      | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 2.9  | x       | 5.3     |               |             |         |
| 3   | Vũ Duy Đức Anh  | 6D3 | 1      | Ngữ văn                 | 3.8  | x       | 4       |               | Đ           | Lên lớp |
|     |                 |     | 2      | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 4.1  | x       | 5.3     |               |             |         |
|     |                 |     | 3      | Khoa học Tự nhiên       | 4.5  | x       | 5.5     |               |             |         |
| 4   | Phạm Thế        | 6D4 | 1      | Ngữ văn                 | 4.8  | x       | 3       |               | CĐ          | Lưu     |

|    |                         |     |   |                            |     |   |     |  |    |            |
|----|-------------------------|-----|---|----------------------------|-----|---|-----|--|----|------------|
|    | Vinh                    |     | 2 | Ngoại ngữ 1<br>(Tiếng Anh) | 4.3 | x | 5.8 |  |    | ban        |
|    |                         |     | 3 | Khoa học Tự<br>nhiên       | 4.8 |   |     |  |    |            |
| 5  | Nguyễn<br>Mạnh<br>Cường | 7C3 | 1 | Toán                       | 4.7 | x | 5   |  | Đ  | Lên<br>lớp |
|    |                         |     | 2 | Ngữ văn                    | 4.6 | x | 5   |  |    |            |
|    |                         |     | 3 | Lịch sử và địa<br>lý       | 4.5 | x | 6.8 |  |    |            |
|    |                         |     | 4 | GDDP                       | CD  | x | 6.5 |  |    |            |
| 6  | Bùi Việt<br>Hoàng       | 7C3 | 1 | Ngữ văn                    | 4.2 | x | 5   |  | Đ  | Lên<br>lớp |
|    |                         |     | 2 | Ngoại ngữ 1<br>(Tiếng Anh) | 4.7 | x | 5.5 |  |    |            |
|    |                         |     | 3 | Lịch sử và địa<br>lý       | 4.3 | x | 7   |  |    |            |
|    |                         |     | 4 | GDDP                       | CD  | x | 6   |  |    |            |
| 7  | Nguyễn<br>Minh<br>Châu  | 7C4 | 1 | Toán                       | 4.9 | x | 5   |  | Đ  | Lên<br>lớp |
|    |                         |     | 2 | Ngoại ngữ 1<br>(Tiếng Anh) | 4.5 | x | 6   |  |    |            |
|    |                         |     | 3 | Công nghệ                  | 4.6 |   |     |  |    |            |
|    |                         |     | 4 | GDDP                       | CD  | x | 6.5 |  |    |            |
| 8  | Ngô Thị<br>Ánh<br>Hồng  | 7C5 | 1 | Toán                       | 3.2 | x | 1   |  | CD | Lưu<br>ban |
|    |                         |     | 2 | Ngữ văn                    | 2.9 | x | 3.8 |  |    |            |
|    |                         |     | 3 | Ngoại ngữ 1<br>(Tiếng Anh) | 4.9 | x | 5   |  |    |            |
|    |                         |     | 4 | Tin học                    | 4.8 | x | 6   |  |    |            |
|    |                         |     | 5 | Khoa học Tự<br>nhiên       | 2.7 | x | 5   |  |    |            |
|    |                         |     | 6 | Lịch sử và địa<br>lý       | 4.1 | x | 7   |  |    |            |
| 9  | Vũ Thị<br>Mỹ Ngọc       | 7C5 | 1 | Toán                       | 4.4 | x | 6   |  | Đ  | Lên<br>lớp |
|    |                         |     | 2 | Ngữ văn                    | 3.6 | x | 5   |  |    |            |
|    |                         |     | 3 | Khoa học Tự<br>nhiên       | 4.7 | x | 5   |  |    |            |
| 10 | Vũ Xuân<br>Quyền        | 7C5 | 1 | Ngữ văn                    | 3.6 | x | 3.5 |  | Đ  | Lên<br>lớp |
|    |                         |     | 2 | Khoa học Tự<br>nhiên       | 2.9 | x | 6.3 |  |    |            |
|    |                         |     | 3 | Lịch sử và địa<br>lý       | 3.8 | x | 7   |  |    |            |
| 11 | Trần<br>Thanh<br>Tùng   | 8B1 | 1 | Toán                       | 4.6 | x | 5   |  | CD | Lưu<br>ban |
|    |                         |     | 2 | Ngữ văn                    | 2.6 | x | 1.8 |  |    |            |
|    |                         |     | 3 | Ngoại ngữ 1<br>(Tiếng Anh) | 3.2 | x | 5.3 |  |    |            |
|    |                         |     | 4 | GDDP                       | CD  | x | 5.5 |  |    |            |
| 12 | Nguyễn<br>Việt Anh      | 8B2 | 1 | Ngữ văn                    | 3.3 | x | 2.3 |  | CD | Lưu<br>ban |
| 13 | Lương<br>Trung<br>Đức   | 8B2 | 1 | Ngữ văn                    | 4.8 | x | 3   |  | CD | Lưu<br>ban |
|    |                         |     | 2 | Ngoại ngữ 1                | 2.8 | x | 5.3 |  |    |            |

|    |                    |     |   |                         |     |   |     |    |         |
|----|--------------------|-----|---|-------------------------|-----|---|-----|----|---------|
|    |                    |     |   | (Tiếng Anh)             |     |   |     |    |         |
| 14 | Vũ Quang Đạt       | 8B3 | 1 | Toán                    | 4.9 | x | 2.6 | CD | Lưu ban |
|    |                    |     | 2 | Ngữ văn                 | 3.8 | x | 2   |    |         |
|    |                    |     | 3 | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 4.7 | x | 4.5 |    |         |
|    |                    |     | 4 | Lịch sử và địa lý       | 3.9 | x | 5.3 |    |         |
|    |                    |     | 5 | GDDP                    | CD  | x | 2.8 |    |         |
| 15 | Lương Đức Hải      | 8B3 | 1 | Toán                    | 4.1 | x | 5.3 | CD | Lưu ban |
|    |                    |     | 2 | Ngữ văn                 | 4.8 | x | 1.5 |    |         |
|    |                    |     | 3 | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 4.5 | x | 5.5 |    |         |
| 16 | Trịnh Văn Huy      | 8B4 | 1 | Toán                    | 3.3 | x | 1.6 | CD | Lưu ban |
| 17 | Đào Thị Khánh Linh | 8B4 | 1 | Toán                    | 3.0 | x | 5.5 | CD | Lưu ban |
|    |                    |     | 2 | Ngữ văn                 | 4.3 | x | 1.3 |    |         |
|    |                    |     | 3 | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) | 4.5 | x | 5.8 |    |         |

### 5. Kết luận của chủ tọa:

- Giáo viên, tổ chuyên và phó hiệu trưởng môn chịu trách nhiệm pháp lý về hồ sơ học sinh diện kiểm tra lại, rèn luyện trong hè 2025.
- Giao GVCN lớp thông báo cho học sinh kết quả kiểm tra lại cho học sinh.
- Giao Phó hiệu trưởng xếp lớp, báo cáo thống kê số học sinh toàn trường về theo khối lớp về Hiệu trưởng.
- Đề nghị giáo viên chủ nhiệm quan tâm quản lý, giúp đỡ để học sinh có sự tiến bộ trong năm học 2025-2026.

Biên bản được thông qua cuộc họp với sự biểu quyết 22/22 đạt 100% nhất trí kết quả kiểm tra lại trong hè 2025 đối với những học sinh chưa đạt về học tập và kết thúc lúc 7 giờ 55 phút cùng ngày.



**CHỦ TỌA**

**HIỆU TRƯỞNG**

*Lương Văn Chuẩn*

**THƯ KÝ**

*Đồng Hoa Lệ*

**CÁC THÀNH VIÊN KÝ TÊN**

*[Signatures of members]*

**BIÊN BẢN**  
**Họp hội đồng xét kết quả kiểm rèn luyện**  
**trong hè đối với học sinh năm học 2024 – 2025**

Hôm nay hồi 8 giờ 00 phút ngày 07/8/2025 tại trường THCS Tiên Thắng-Toàn Thắng, hội đồng đánh giá xét kết quả rèn luyện lại trong hè 2025.

Thành phần gồm:

- Chủ tọa: Ông Lương Văn Thuần – Hiệu trưởng
- Thư ký: Bà Đồng Hoa Lệ - Tổ trưởng KHXH.

**NỘI DUNG HỌP**

1. Ông Lương Văn Thuần, thông qua các quyết định thành lập Hội đồng.  
(Kèm theo Quyết định thành lập)

2. Ông Đặng Đình Diệt thông báo kết quả rèn luyện của học sinh sau hè.

| STT | Họ tên              | Lớp | Kết quả rèn luyện |
|-----|---------------------|-----|-------------------|
| 1   | Phạm Thị Thùy Dương | 8B2 | Khá               |
| 2   | Vũ Thị Thùy Linh    | 8B1 | Khá               |

3. Ý kiến tham gia:

- Bà Phạm Thị Hoàn: Học sinh thực hiện nghiêm túc quy định của địa phương, tích cực tham gia hoạt động hè.

- Bà Nguyễn Thị Huyền Thu: Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện nghiêm túc quy định của địa phương. Học sinh tích cực tham gia hoạt động hè.

- Bà Vũ Thị Tố Uyên: Đề nghị xếp loại em Vũ Thị Thùy Linh loại Đạt.

- Ông Đặng Đình Diệt: Đánh giá học sinh cần xem xét thực tế, sự tiến bộ của học sinh. Chuyên môn lưu trữ đủ hồ sơ rèn luyện lại. Tiếp tục giáo dục học sinh trong năm học mới.

- Ông Phạm Văn Quý: Tổ chức, hướng dẫn học sinh tham gia các hoạt động tại địa phương nghiêm túc, thực hiện đúng quy chế. Xác nhận kết quả kiểm tra lại và công khai trước hội đồng sư phạm.

5. Kết quả sau đánh giá rèn luyện của học sinh trong hè 2025.

- Các thành viên tham góp ý kiến, nhất trí nội dung đã báo cáo, đề nghị hoàn thiện hồ sơ học sinh trên cơ sở dữ liệu và sổ điểm điện tử, học bạ để lưu trữ.

6. Kết luận của chủ tọa:

- Giáo viên, tổ chuyên môn và chuyên môn nhà trường chịu trách nhiệm pháp lý về hồ sơ học sinh diện kiểm tra lại, rèn luyện trong hè 2025.
- Giao GVCN lớp thông báo cho học sinh kết rèn luyện sau hè.
- Giao Phó hiệu trưởng xếp lớp, báo cáo thống kê số học sinh toàn trường về theo khối lớp về Hiệu trưởng.
- Đề nghị giáo viên chủ nhiệm tiếp tục quan tâm quản lý, giúp đỡ để học sinh có sự tiến bộ trong năm học 2025-2026.

Biên bản được thông qua cuộc họp với sự biểu quyết 22/22 đạt 100% nhất trí kết quả rèn luyện trong hè 2025 đối với 02 học sinh chưa đạt về rèn luyện và kết thúc lúc 8 giờ 30 phút cùng ngày.



**CHỦ TỌA**

**HIỆU TRƯỞNG**  
*Lương Văn Chuẩn*

**THƯ KÝ**

*Đông Hoa Lê*  
**Đông Hoa Lê**

**CÁC THÀNH VIÊN KÝ TÊN**

*Lưu 12*      *Đức*  
*Ug*      *Thao*      *Đạt*  
*Phu*      *Đ*  
*nh*      *Muag*